

Số: 154/BC-UBND

Tuy Phước, ngày 17 tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả đối soát tính thống nhất của hồ sơ, bản đồ ĐGHC với thực địa và thực tế quản lý

1. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

- Tuy Phước là huyện đồng bằng lớn ở phía nam tỉnh Bình Định, có diện tích 217,12 km², dân số 180.382 người. Về địa hình, phía bắc và tây bắc Tuy Phước giáp Phù Cát, An Nhơn; đông giáp biển; nam giáp TP Quy Nhơn; tây giáp huyện Vân Canh. Nằm bên đầm Thị Nại, có sông Côn, sông Hà Thanh chảy qua, có quốc lộ 1A, QL 19, đường sắt Bắc - Nam chạy ngang qua, Tuy Phước có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Hiện nay có 13 đơn vị hành chính cấp xã là: Phước Nghĩa, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Quang, Phước Hưng, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Lộc, Phước An, Phước Thành, thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì.

UBND huyện Tuy Phước luôn xác định được tầm quan trọng việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới hành chính và xác định vai trò trách nhiệm của các xã, thị trấn trong việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới, bản đồ địa giới, mốc địa giới hành chính các cấp trên thực địa. Ngoài ra, các xã thị trấn đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân địa phương gần khu vực có mốc giới ý thức, giữ gìn, bảo vệ; đồng thời bàn giao cho các thôn có mốc địa giới quản lý nhằm đảm bảo an toàn và ổn định các mốc giới.

- Thực hiện Kế hoạch số 535/KH-SNV ngày 08/5/2014 của Sở Nội vụ tỉnh về Đối soát tính thống nhất hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định; UBND huyện Tuy Phước đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 16/5/2014 về Đối soát tính thống nhất hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp huyện Tuy Phước nhằm yêu cầu các xã, thị trấn đối soát tính thống nhất về nội dung, hình thức, thời gian thực hiện đối với hồ sơ, bản đồ và kiểm tra, đối chiếu xác định trên thực địa và thực tế quản lý của địa phương.

Tổng số tuyến ĐGHC các cấp trên địa bàn huyện Tuy Phước bao gồm: cấp xã là 22 tuyến, cấp huyện là 04 tuyến, với số lượng mốc ĐGHC cấp xã là 34 mốc, cấp huyện là 06 mốc. UBND huyện được UBND tỉnh giao quản lý: 01 bản đồ UBND huyện Tuy Phước, 13 bản đồ UBND các xã thị trấn thuộc huyện; 01 hồ sơ ĐGHC UBND huyện Tuy Phước 13 hồ sơ UBND các xã thị trấn thuộc huyện.

2. Kết quả kiểm tra, đối soát

a) Đối với đường ĐGHC:

Kết quả qua đối soát đối với từng tuyến cụ thể:

- Số tuyến đảm bảo phù hợp giữa hồ sơ với bản đồ và giữa hồ sơ, bản đồ với thực địa và thực tế quản lý là 20 tuyến;

- Tuyến ĐGHC ngoài thực địa giữa 2 địa phương chưa thống nhất (tranh chấp) 06 tuyến (02 tuyến cấp huyện và 04 tuyến cấp xã). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không thống nhất giữa các tuyến là do có công trình xây dựng trên tuyến ĐGHC (Phước Thành-Diêu Trì), do các bồi lấp (Phước Hòa, Tuy Phước-Cát Chánh, Phù Cát), do chưa phù hợp với địa hình (Phước An – Phước Thành, Phước Hiệp – Phước Sơn). Ngoài ra qua đo đạc theo dự án VLAP có các địa phương chưa thống nhất tuyến ĐGHC (Phước Hiệp – Phước Nghĩa, Phước Hiệp – Phước Lộc).

b) Về mốc ĐGHC:

- Kết quả kiểm tra trên hồ sơ, bản đồ và kiểm tra trên thực địa các mốc ĐGHC được giao địa phương quản lý kèm theo bản thống kê tình trạng mốc như sau:

Tổng số mốc ĐGHC giao cho địa phương quản lý cấp xã là 34 mốc, cấp huyện là 6 mốc. Trong đó, số mốc còn tốt là 21 mốc (cấp huyện 02 mốc, cấp xã 19 mốc), hư hỏng là 02 mốc (cấp huyện), mất là 17 mốc (cấp huyện 04 mốc, cấp xã 13 mốc). Đa số các mốc hư hỏng và mất do thiên tai, lũ lụt dẫn đến xói mòn, sạt lở...

3. Đánh giá chung

- Đường ĐGHC và mốc ĐGHC trong hồ sơ, bản đồ ĐGHC qua sơ đồ vị trí và biên bản xác nhận mô tả mốc ĐGHC qua từng tuyến thể hiện rõ ràng qua từng tuyến điểm đặc trưng nên dễ xác định khi kiểm tra đối soát với thực địa và thực tế quản lý ĐGHC của địa phương.

Tuy nhiên, trên địa bàn huyện Tuy Phước địa hình đồi núi chiếm diện tích cũng tương đối lớn, có một số mốc ĐGHC đi theo đường sông, suối, muong, đường sông núi bờ ruộng nên khó khăn cho việc kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, dễ xói mòn, sạt lở. Hơn nữa các điểm mốc được xây dựng đến thời điểm nay quá lâu, công tác đi kiểm tra mốc ĐGHC còn ít đi và việc địa hình thay đổi nên khó khăn trong việc quản lý ở địa phương.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị UBND tỉnh:

- Xác định lại các tuyến địa giới hành chính các cấp do ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên (cát bay) làm tuyến ĐGHC bị cát vùi lấp (Phước Hòa, Tuy Phước-Cát

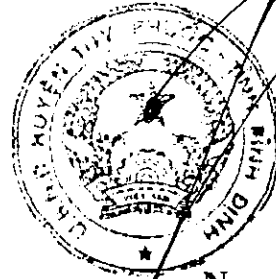
Chánh, Phù Cát). Các bên đã tổ chức họp và thống nhất hướng đi của đường địa giới hành chính trên bản đồ nhưng tại thực địa thì hai bên chưa thống nhất.

- Khôi phục lại các mốc ĐGHC bị hư hỏng, mất để công tác quản lý ĐGHC được đảm bảo.

Trên đây là báo cáo đối soát tính thống nhất của hồ sơ, bản đồ ĐGHC với thực địa và thực tế quản lý trên địa bàn huyện Tuy Phước./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng TN-MT huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huệ

Biểu 1. Tổng quan hiện trạng tuyến ĐGHC các cấp

Số TT	TUYẾN ĐGHC	Tổng số tuyến	Tổng chiều dài tuyến (km)	Tuyến ổn định	Tuyến không thống nhất giữa hồ sơ và bản đồ ĐGHC	Tuyến không thống nhất giữa bản đồ ĐGHC và thực địa	Tuyến ĐGHC ngoài thực địa giữa 2 địa phương chưa thống nhất (tranh chấp)	Tuyến ngoài thực địa không phù hợp, 2 địa phương đã thống nhất cần phân vạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Cấp huyện	4	135,985	2			2	1
2	Cấp xã	22	104,616	18			4	

Biểu 2. Tổng quan hiện trạng mốc ĐGHC các cấp


Số TT	MỐC ĐGHC	Tổng số mốc	Còn tốt	Mất	Hư hỏng	Cần chỉnh sửa mặt mốc do thay đổi ĐVHC	Cần hủy bỏ do không phù hợp với thực tế quản lý	Đề nghị khôi phục các mốc mất, hư hỏng (nếu cần)	Đề nghị cắm mới, bổ sung (nếu cần)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Cấp huyện	6	2	4				4		
2	Cấp xã	34	19	13	2			15		
	Tổng số	40	21	17	2			19		


Biểu 3. Tình trạng tuyến ĐGHC các cấp thuộc huyện

TT	TUYẾN ĐGHC	Chiều dài tuyến (km)	HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐGHC CÁC CẤP					GHI CHÚ (đối với các tuyến thuộc mục 4,5,6,7 cần ghi cụ thể ở khu vực nào ngoài thực địa hoặc từ điểm đặc trưng nào đến điểm đặc trưng nào)
			Tuyến ổn định	Tuyến không thống nhất giữa hồ sơ và bản đồ ĐGHC	Tuyến không thống nhất giữa bản đồ ĐGHC và thực địa	Tuyến ĐGHC ngoài thực địa giữa 2 địa phương chưa thống nhất (tranh chấp)	Tuyến ngoài thực địa không phù hợp, 2 địa phương đã thống nhất cần phân vạch	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Cấp huyện							
1	Tuy Phước - Quy Nhơn	36,489				X		Phước Nghĩa - Nhơn Bình, Phước Hòa - Nhơn Lý và Nhơn Hội
2	Tuy Phước - Vân Canh	10,049	X					
3	Tuy Phước - An Nhơn	39,699	X					
4	Tuy Phước - Phù Cát	14,375				X	X	Phước Hòa - Cát Chánh, Phước Thắng - Cát Chánh
II	Cấp xã							
1	TT Tuy Phước - Phước Lộc	4,591	X					
2	TT Tuy Phước - Phước Nghĩa	2,070	X					
3	TT Tuy Phước - Diêu Trì	5,943	X					
4	TT Tuy Phước - Phước An	1,160	X					
5	TT Diêu Trì - Phước An	3,142	X			Điểm đặc trưng số 3	Cần điều chỉnh lại 1 đoạn	
6	Phước An - Phước Thành	7,152	X			Điểm đặc trưng số 2, 3		
7	Phước An - Phước Lộc	3,657	X					
8	Phước Nghĩa - Phước Hiệp	6,007				X		Đoạn 5: từ giữa Bàu Lũng đến kênh N2.1
9	Phước Nghĩa - Phước Sơn	1,790	X					
10	Phước Nghĩa - Phước Thuận	3,780	X					
11	Phước Nghĩa - Phước Lộc	3,158				X		Đoạn 7
12	Phước Lộc - Phước Hiệp	3,660				X		Đoạn 8: Từ phía Bắc kênh TX7 đến cầu Đại Hân
13	Phước Hiệp - Phước Quang	4,530	X					
14	Phước Hiệp - Phước Hòa	3,870	X					

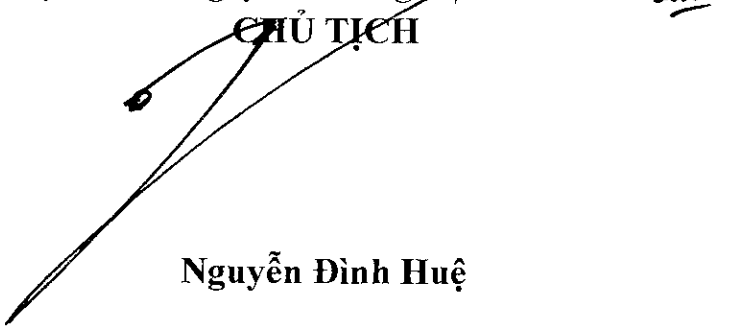
TT	TUYẾN ĐGHC	Chiều dài tuyến (km)	HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐGHC CÁC CẤP					GHI CHÚ (đối với các tuyến thuộc mục 4,5,6,7 cần ghi cụ thể ở khu vực nào ngoài thực địa hoặc từ điểm đặc trưng nào đến điểm đặc trưng nào)
			Tuyến ổn định	Tuyến không thống nhất giữa hồ sơ và bản đồ ĐGHC	Tuyến không thống nhất giữa bản đồ ĐGHC và thực địa	Tuyến ĐGHC ngoài thực địa giữa 2 địa phương chưa thống nhất (tranh chấp)	Tuyến ngoài thực địa không phù hợp, 2 địa phương đã thống nhất cần phân vạch	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	Phước Hiệp - Phước Sơn	4,403				X		Đoạn 7: Từ cột Tàn lại đến núi Kỳ Sơn
16	Phước Thuận - Phước Sơn	8,370	X					
17	Phước Sơn - Phước Hòa	13,517	X					
18	Phước Hòa - Phước Quang	5,167	X					
19	Phước Hòa - Phước Thắng	8,196	X					
20	Phước Thắng - Phước Quang	0,930	X					
21	Phước Thắng - Phước Hưng	0,537	X					
22	Phước Hưng - Phước Quang	10,453	X					

Người tổng hợp


Lê Anh Tân

Tuy Phước, ngày 17 tháng 11 năm 2014 

CHỦ TỊCH


Nguyễn Đình Huệ

Biểu 4. Tình trạng mốc ĐGHC các cấp thuộc huyện

Số TT	SỐ HIỆU MỐC ĐGHC	HIỆN TRẠNG MỐC ĐGHC CÁC CẤP				CẦN HỦY BỎ DO KHÔNG PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ QUẢN LÝ	ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CÁC MỐC MẮT, HƯ HÔNG (nếu cần)	ĐỀ NGHỊ CẮM MỐI, BỔ SUNG (nếu cần)	GIỮA CÁC XÃ, HUYỆN, TỈNH	GHI CHÚ
		Còn tốt	Mất	Hư hỏng	Cần chỉnh sửa mặt mốc do thay đổi ĐVHC					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Cấp xã									
1	(PL-TP-PA) 03X.1		X				X		Phước Lộc - TT Tuy Phước - Phước An	
2	(PN-TP-PL) 03X.1	X							Phước Nghĩa - TT Tuy Phước - Phước Lộc	
3	(PN-NB-TP) 03X.1	X							Phước Nghĩa - Nhơn Bình - TT Tuy Phước	
4	(NB-NP-TP) 03X.1		X				X		Nhơn Bình - Nhơn Phú - TT Tuy Phước	
5	(TP-NP-DT) 03X.1			X			X		TT Tuy Phước - Nhơn Phú - Diêu Trì	
6	(TP-DT-PA) 3X.1	X							TT Tuy Phước - Diêu Trì - Phước An	
7	(DT-TQD-PA) 03X.1	X							TT Diêu Trì - phường Trần Quang Diệu - Phước An	
8	(PA-PT-NT) 3X.1	X							Phước An - Phước Thành - Nhơn Thọ	
9	(PA-TQD-PT) 03.X1		X				X		Phước An - Trần Quang Diệu - Phước Thành	
10	(PA-PT) 2X.1		X				X		Phước An - Phước Thành	
11	(PT-PM-CV) 03X.1		X				X		Phước Thành - Phước Mỹ - Canh Vinh	
12	(TQD-BTX-PT) 3X.1	X							Phường Trần Quang Diệu - Phường Bùi Thị Xuân - Phước Thành	
13	(BTX-PM-PT) 3X.1	X							Phường Bùi Thị Xuân, Phước Mỹ, Phước Thành	
14	(PL-PA-NH) 3X.1	X							Phước Lộc, Phước An, Nhơn Hòa	
15	(PN-PL-PH) 03X.1		X				X		Phước Nghĩa, Phước Lộc, Phước Hiệp	
16	(PH-PS-PN) 3X.1	X							Phước Hiệp, Phước Sơn, Phước Nghĩa	
17	(PS-PT-PN) 3X.1	X							Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Nghĩa	
18	(PT-NB-PN) 03X.1		X				X		Phước Thuận, Nhơn Bình, Phước Nghĩa	
19	(PH-PL-NH) 3X.1	X							Phước Hiệp, Phước Lộc, Nhơn Hòa	
20	(PQ-PH-NH) 03X.1			X			X		Phước Quang - Phước Hiệp - Nhơn Hòa	
21	(PQ-PH-PH) 03X.1	X							Phước Quang - Phước Hòa - Phước Hiệp	

Số TT	Số hiệu mốc ĐGHC	HIỆN TRẠNG MỐC ĐGHC CÁC CẤP				CẢN HỦY BỎ ĐO KHÔNG PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ QUẢN LÝ	ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CÁC MỐC MẬT, HƯ HÔNG (nếu cần)	ĐỀ NGHỊ CẮM MỐI, BỔ SUNG (nếu cần)	GIỮA CÁC XÃ, HUYỆN, TỈNH	GHI CHÚ
		Còn tốt	Mất	Hư hỏng	Cần chỉnh sửa mặt mốc do thay đổi ĐVHC					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	(PH-PS-PH) 03X.1		X					X	Phước Hòa - Phước Sơn - Phước Hiệp	
23	(CC-PH-PT) 03X.1		X				X		Cát Chánh - Phước Hòa - Phước Thắng	
24	(PH-NL-NH) 3X.1		X				X		Phước Hòa - Nhơn Lý - Nhơn Hòa	
25	(PQ-PT-PH) 03X.1	X							Phước Quang - Phước Thắng - Phước Hòa	
26	(CC-PT-CT) 03X.1	X							Cát Chánh - Phước Thắng - Cát Thắng	
27	(CC-PT) 02X.1	X							Cát Chánh - Phước Thắng	
28	(PT-PQ-PH) 03X.1	X							Phước Thắng - Phước Quang - Phước Hưng	
29	(PT-PH-NH) 03X.1		X				X		Phước Thắng - Phước Hưng - Nhơn Hạnh	
30	(NH-PH-NA) 03X.1		X				X		Nhơn Hạnh - Phước Hưng - Nhơn An	
31	(PH-PQ-BĐ) 03X.1	X							Phước Hưng - Phước Quang - Bình Định	
32	(BĐ-NH-PH) 03X.1		X				X		Bình Định - Nhơn Hưng - Phước Hưng	
33	(NA-PH-NH) 03X.1	X							Nhơn An - Phước Hưng - Nhơn Hưng	
34	(PQ-NH-BĐ) 03X.1	X							Phước Quang - Nhơn Hưng - Bình Định	
II	Cấp huyện									
1	(QN-TP)2H.2		X				X		Quy Nhơn, Tuy Phước	
2	(TP-VC) 02H.1	X							Tuy Phước, Vân Canh	
3	(AN-TP-VC) 3H.1	X							An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh	
4	(PC-QN-TP) 03H.1		X				X		Phù Cát - Quy Nhơn - Tuy Phước	
5	(TP-QN) 02H.1		X				X		Tuy Phước - Quy Nhơn	
6	(PC-TP-AN) 03H.1		X				X		Phù Cát - Tuy Phước - An Nhơn	

Người tổng hợp

Lê Anh Tân

Lê Anh Tân

Tuy Phước, ngày 11 tháng 11 năm 2014

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Huệ